

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Số: 140/QĐ-HHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 28 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Thi công Đường nối Quốc lộ 16 đến cao trình 280m của Tháp điều áp tại nhà máy thủy điện Hủa Na.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Các căn cứ:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội khoá XIII, kỳ họp thứ 7; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;
- Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;
- Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;
- Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;
- Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng;



- Văn bản số 1104/QĐ-SXD ngày 08/5/2020 của Sở Xây dựng tỉnh Nghệ An về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng tỉnh Nghệ An theo thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng;

- Quyết định số 3821/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố Giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Quyết định số 3827/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Quyết định số 3825/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về công bố đơn giá lắp đặt hệ thống kỹ thuật của công trình trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Văn bản số 967/LS-XD-TC ngày 01/4/2021 của của Liên Sở Xây dựng - Tài chính ngày 01/4/2021 về việc Công bố giá vật liệu Xây dựng quý I/2021;

- Quyết định số 75/QĐ-HHC-HĐQT ngày 14/9/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na về việc phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na;

- Quyết định số 47/QĐ-HHC-HĐQT ngày 29/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na về việc phê duyệt và ban hành Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh và vốn vay của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na;

- Quyết định số 56/QĐ-HHC-HĐQT ngày 30/12/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na;

- Tờ trình số 02/KTAT-PXVHSC-TCHC ngày 02/6/2021 về việc Xây dựng, cải tạo và sửa chữa một số bộ phận/hạng mục công trình tại nhà máy thủy điện Hòa Na;

- Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đường nối Quốc lộ 16 đến cao trình 280m của Tháp điều áp do Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Khôi Nguyên lập;

- Báo cáo thẩm định Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình Đường nối Quốc lộ 16 đến cao trình 280m của Tháp điều áp của Tổ thẩm định Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na;

- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu do Phòng KT-KH Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na lập;

- Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Thi công Đường nối Quốc lộ 16 đến cao trình 280m của Tháp điều áp tại nhà máy thủy điện Hòa Na của Tổ thẩm định Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na;

- Tình hình thực tế tại Nhà máy thủy điện Hòa Na.

Xét đề nghị của Phòng KT-KH tại Tờ trình số 74/TTr-KTKH ngày 21 /7/2021 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Thi công Đường nối Quốc lộ 16 đến cao trình 280m của Tháp điều áp tại nhà máy thủy điện Hòa Na.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Thi công Đường nối Quốc lộ 16 đến cao trình 280m của Tháp điều áp tại nhà máy thủy điện Hòa Na với các nội dung chính như sau:

I. BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG.

1. **Tên công trình:** Nhà máy thủy điện Hòa Na.
2. **Hạng mục:** Đường nối Quốc lộ 16 đến cao trình 280m của Tháp điều áp.
3. **Loại công trình:** Công trình Giao thông; **Cấp công trình:** cấp IV.
4. **Địa điểm xây dựng:** Tại nhà máy thủy điện Hòa Na, bản Huôi Muông, xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.
5. **Tư vấn lập Báo cáo KTKT:** Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Khôi Nguyên.

6. **Đơn vị thẩm định:** Tổ thẩm định Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na.

7. Mục tiêu đầu tư:

- Hiện nay hệ thống mái cơ Tháp điều áp chưa có tuyến đường quản lý vận hành, bảo trì, sửa chữa. Hiện trạng chỉ có tuyến đường tạm do Nhà thầu tự thực hiện để phục vụ thi công từ thời đầu tư dự án. Sau nhiều năm, tuyến đường này đã bị bị sỏi lở nền và mái taluy, nhiều vị trí đang có nguy cơ gây sạt trượt không đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ hàng năm.

- Do vậy, để phục vụ công tác quản lý vận hành, bảo trì, sửa chữa hệ thống mái cơ Tháp điều áp đảm bảo an toàn, hiệu quả và hạn chế sạt lở cho hạng mục công trình, tạo mỹ quan trong khu vực, việc đầu tư xây dựng tuyến Đường nối Quốc lộ 16 đến cao trình 280m của Tháp điều áp là cần thiết và cấp bách.

8. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

- | | |
|--|------------------|
| - Khảo sát cho xây dựng - Các nguyên tắc cơ bản: | TCVN 9363:2012 |
| - Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế: | TCVN10380:2014 |
| - Kết cấu bê tông cốt thép, Tiêu chuẩn thiết kế: | TCXDVN 5574:2012 |
| - Mặt đường bê tông xi măng - vật liệu chèn khe giãn dạng tấm: | TCVN 11414:2016 |
| - Công tác trắc địa trong xây dựng: | TCVN 9398:1912 |

- Công tác đất, Quy phạm thi công và nghiệm thu: TCVN 4447:2012
- Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 5575- 2012
- Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 5573:2011
- Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 7957:2008
- Và các quy phạm, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

9. Quy mô và giải pháp thiết kế chủ yếu:

Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Khôi Nguyên lập trên cơ sở kết quả khảo sát, kiểm tra thực tế tại hiện trường với quy mô và các giải pháp thiết kế chủ yếu như sau:

9.1. Quy mô: Công trình cấp IV; chiều dài tuyến đường $L=392,28\text{m}$; chiều rộng nền đường $B_n=5,00\text{m}$; bề rộng mặt đường $B_m=3,50\text{m}$; bề rộng lề đường $B_l=2 \times 0,75\text{m}$; kết cấu mặt đường bằng bê tông M200, đá 2x4cm, dày 16cm.

9.2. Giải pháp thiết kế:

9.2.1. Hướng tuyến:

Hướng tuyến được thiết kế trên cơ sở tuyến đường hiện trạng, đoạn đầu tuyến đầu nối vào Quốc lộ 16 được điều chỉnh để phù hợp với hiện trạng và thuận lợi hơn cho quá trình đi lại, vận chuyển

9.2.2. Trắc dọc:

Trắc dọc tuyến đường được thiết kế trên cơ sở tuyến đường hiện trạng (tuyến đường phục vụ thi công từ thời xây dựng dự án) để giảm thiểu khối lượng đào đắp nhưng vẫn đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật của tuyến đường và các nguyên tắc sau:

- Kết hợp hài hoà giữa yếu tố đường cong nằm, đường cong đứng, đảm bảo sự hài hoà trong phối cảnh tránh cảm giác gãy khúc hay méo mó;

- Giảm thiểu khối lượng đào đắp và các công trình phụ trợ khác như tường chắn, kè ốp mái...;

- Đảm bảo tính êm thuận trong quá trình vận hành;

- Tận dụng tối đa các công trình đã xây dựng;

- Tại các điểm đổi dốc đều thiết kế bố trí đường cong đứng nối dốc để xe chạy được êm thuận theo đúng quy trình;

Việc thiết kế trắc dọc phải được cân nhắc kỹ lưỡng nhằm đảm bảo các yêu cầu trên cũng như thuận lợi cho việc thi công.

9.2.3. Trắc ngang:

- Bề rộng nền đường: $B_n=5,00\text{m}$;
- Bề rộng mặt đường: $B_m=3,50\text{m}$;
- Bề rộng lề đường: $B_l=2\times 0,75\text{m}$;
- Dốc ngang nền, mặt đường: Ở đoạn thẳng dốc ngang 2 mái, trong đường cong bố trí dốc ngang 1 mái hướng về phía bụng, trị số phụ thuộc vào đường cong nằm, độ dốc ngang như sau:

- + 2% đối với mặt đường;
- + 4% đối với lề đất, độ dốc siêu cao tối đa khi vào trong đường cong là 6%;
- Mái taluy nền đường đào: 1/1;
- Mái taluy nền đường đắp: 1/1,5;
- Đối với nền đường đắp: Khi độ dốc ngang $i < 20\%$ bóc sạch lớp hữu cơ, khi $i > 20\%$ đánh cấp và đầm chặt K90 trước khi đắp đất nền đường. Nền đường đắp đất phải đầm chặt đạt K95.

9.2.4. Kết cấu mặt đường: Kết cấu áo đường cấu làm mới bằng bê tông xi măng M200 đá 2x4cm dày 16cm;

9.2.5. Kết cấu nền đường: Nền đường gồm nền đào và nền đắp đầm chặt, độ chặt K95.

9.2.6. Thoát nước:

- Thoát nước ngang: bổ sung tám đan chịu lực qua đường tại vị trí giao với QL16 để thoát nước ngang đường, chiều dài $L=11,0\text{m}$; kích thước $1,7\times 1\text{m}$; kết cấu tám đan bằng bê tông cốt thép mác M200, đá 1x2cm.

- Thoát nước dọc:

- Rãnh thoát nước dọc để thoát nước từ mặt đường và mái taluy, kích thước rãnh được thiết kế theo cấu tạo địa hình mà không tính toán thủy lực;

- Độ dốc rãnh: để tránh lòng rãnh không bị ứ đọng bùn cát, trắc dọc rãnh sẽ được thiết kế với độ dốc $> 0,05\%$;

- Hình dạng, kích thước của rãnh: thiết kế rãnh dọc thoát nước tiết diện hình thang chiều sâu 0,40m; đáy rộng 0,40m; đỉnh rộng 1,2m; mái taluy 1:1.

9.2.7. Tường chắn đá học xây:

- Trên tuyến có vị trí mái taluy âm bị sạt trượt lớn được xử lý bằng cách xây dựng tường chắn bằng đá học xây vữa M100 và đắp trả đất mái taluy; Tứ nón 2 đầu tường chắn được bằng đá học xây M100 đảm bảo ổn định cho tường chắn; Chiều dài tường chắn $L=20,0\text{m}$; tiết diện tường chắn gồm 2 phần: phần móng có chiều rộng 2m, chiều cao trung bình 0,925m; phần tường chắn có chiều rộng đáy 1,25m, chiều rộng đỉnh 0,4m, chiều cao 2m.

9.2.8. Sửa chữa bậc lên xuống:

- Bậc lên xuống mái cơ thép điều áp có 1 vị trí bị hư hỏng được xử lý bằng cách phá dỡ các bậc hư hỏng và xây mới bậc lên xuống bằng đá học xây vữa M100; bậc thoát nước có kích thước 0,35x0,35x1,6m.

10. Giá trị dự toán xây dựng công trình:

Giá trị dự toán xây dựng: 962.202.000 đồng.

Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm linh hai nghìn đồng.

(Chi tiết như phụ lục 01 kèm theo).

11. Thời gian thực hiện: Trong Quý III ÷ Quý IV/2021 (hoàn thành trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực).

12. Nguồn vốn: Sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt tại Quyết định số 56/QĐ-HHC-HĐQT ngày 30/12/2020 để triển khai thực hiện.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

II. KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU:

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu như sau:

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (tr.đ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	T.gian lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	T.gian thực hiện h/đồng
1	Thi công Đường nối Quốc lộ 16 đến cao trình 280m của Tháp điều áp tại nhà máy thủy điện Hòa Na	962,202	SXKD 2021	Chi định thầu thông thường	Quý III/2021	Trọn gói	60 ngày

III. DỰ TOÁN GÓI THẦU XÂY DỰNG:

Phê duyệt dự toán gói thầu: Thi công Đường nối Quốc lộ 16 đến cao trình 280m của Tháp điều áp tại nhà máy thủy điện Hòa Na như sau:

VND

STT	Nội dung chi phí	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3+4)	(6)
1	Chi phí xây dựng của gói thầu	874.729.070	87.472.907	962.202.000	GXD
1.1	Chi phí xây dựng	874.729.070	87.472.907	962.202.000	
2	Chi phí dự phòng	0	0	0	GDPXD
	TỔNG CỘNG (1+2)	874.729.070	87.472.907	962.202.000	GGTXD

Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm linh hai nghìn đồng.

(Chi tiết như phụ lục 02 kèm theo).

Điều 2: Giao cho các Phòng ban, Phân xưởng Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành và của Công ty.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng ban, Phân xưởng và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐQT, Ban KS (để b/c);
- Lưu VT.



974
T
H
Đ
N
T

PHỤ LỤC 01

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỬA NA

HẠNG MỤC: ĐƯỜNG NỘI QUỐC LỘ 16 ĐẾN CAO TRÌNH 280M CỦA THÁP ĐIỀU ÁP

(Kèm theo Quyết định số 140/QĐ-HHC ngày 28/7/2021 của Giám đốc PV Power HHC)

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4*5)
	KM0+0.00 - KM0+392.28:				
	Đào, đắp nền đường:				
	<i>Đào đất hữu cơ:</i>				
1	Đào hữu cơ đường bằng máy đào 1,25m ³ - Cấp đất I	100m ³	2,107	1.571.875	3.311.941
2	Vận chuyển đất ra bãi thải bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi 200m - Cấp đất I	100m ³	2,107	975.429	2.055.229
	<i>Đánh cấp nền đường:</i>				
3	Đánh cấp đường bằng máy đào 1,25m ³ - Cấp đất III	100m ³	0,588	2.227.407	1.309.715
	<i>Đào nền đường:</i>				
4	Đào nền đường bằng máy đào 1,25m ³ - Cấp đất III	100m ³	60,662	2.227.407	135.118.980
	<i>Đào khuôn đường:</i>				
5	Đào khuôn đường bằng máy đào 1,25m ³ - Cấp đất III	100m ³	0,921	2.227.407	2.051.442
	<i>Đào rãnh đất:</i>				
6	Đào rãnh thoát nước bằng máy đào 1,25m ³ - Cấp đất III	100m ³	0,876	2.271.647	1.989.963
	<i>Đắp đất (tận dụng đất đào sang để đắp):</i>				
7	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,95 (đắp bù đất mái ta luy âm đoạn bị sạt lở)	100m ³	4,204	3.402.810	14.305.412
8	Đắp nền đường bằng máy lu bánh thép 16T, máy ùi 110CV, độ chặt Y/C K = 0,95	100m ³	5,385	1.164.290	6.269.702
	<i>Vận chuyển đất:</i>				
9	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi 200m - Cấp đất III	100m ³	63,046	1.390.785	87.683.435
	Mặt đường bê tông:				
10	Bê tông mặt đường, bê tông M200, đá 2x4, PCB40	m ³	222,430	1.920.472	427.170.481
11	Ván khuôn thép mặt đường bê tông	100m ²	1,266	4.192.726	5.307.991
	Thoát nước, bậc thoát nước và tường chắn đất:				

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<i>Tấm đan chịu lực qua đường (SL=11 tấm):</i>				
12	Bê tông tấm đan M200, đá 1x2, PCB40	m ³	3,740	1.847.236	6.908.661
13	Gia công, lắp dựng cốt thép tấm đan	Tấn	0,398	26.605.264	10.588.895
14	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn kim loại, ván khuôn nắp đan	100m ²	0,119	7.559.496	899.580
15	Lắp đặt cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng máy	Cầu kiện	11,000	32.140	353.540
	<i>Sửa chữa bậc lên xuống:</i>				
16	Phá dỡ tường xây đá các loại (bậc nước cũ)	m ³	4,500	320.635	1.442.859
17	Xây bậc thoát nước bằng đá hộc, vữa XM M100, PCB40	m ³	14,700	1.837.383	27.009.535
	<i>Tường chắn đất:</i>				
18	Xây tường chắn đất bằng đá hộc, vữa XM M100, PCB40	m ³	70,200	1.948.230	136.765.776
19	Xây gia cố tứ nón bằng đá hộc, vữa XM M100, PCB40	m ³	1,820	1.837.383	3.344.038
20	Lắp đặt ống nhựa thoát nước - Đường kính 90mm	100m	0,150	5.614.022	842.103
A	Cộng giá trị trước thuế				874.729.070
B	Thuế VAT (10%): A*10%				87.472.907
C	Tổng cộng giá trị sau thuế: A+B				962.202.000

PHỤ LỤC 02

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN GÓI THẦU

GÓI THẦU: THI CÔNG ĐƯỜNG NỐI QUỐC LỘ 16 ĐẾN CAO TRÌNH 280M CỦA THÁP ĐIỀU ÁP
TẠI NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA

(Kèm theo Quyết định số 140/QĐ-HHC ngày 28/7/2021 của Giám đốc PV Power HHC)

STT	Nội dung chi phí	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế GTGT (10%) (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)	Ký hiệu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3+4)	(6)
1	Chi phí xây dựng của gói thầu	874.729.070	87.472.907	962.202.000	Gxd
1.1	Chi phí xây dựng	874.729.070	87.472.907	962.202.000	
2	Chi phí dự phòng (GDPXD1 + GDPXD2)	-	-	-	Gdpxd
2.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh	-	-	-	Gdpxd1
2.2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	-	-	-	Gdpxd2
	TỔNG CỘNG (1+2)	874.729.070	87.472.907	962.202.000	GGTXD

Handwritten signature or mark.